

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

Căn cứ Quyết định số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-HVKHCN ngày 28/12/2021 của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-HVKHCN ngày 03/03/2026 của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Đề án tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026;

Học viện Khoa học và Công nghệ (Học viện KHCN) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 như sau:

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Người dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, khi có một trong các văn bằng/chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài do một cơ sở đào tạo nước ngoài, hoặc do phân hiệu của cơ sở nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp. Văn bằng được công nhận theo Thông tư 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi và bổ sung theo Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT ngày 02/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (*Phụ lục 1-ThS*), còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (24 tháng kể từ ngày cấp);

Người dự tuyển không có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ nêu trên phải tham gia thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Học viện KHCN tổ chức.

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung

năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt;

d) Có đủ sức khỏe để thực hiện quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

e) Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi người dự tuyển vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển học viên cao học. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, hiện không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Danh mục các ngành tuyển sinh, ngành phù hợp với chương trình đào tạo và các chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ (Phụ lục 2 - ThS)

- Số lượng ngành tuyển sinh và đào tạo: 06

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 230

3. Các môn thi tuyển sinh (Phụ lục 3-ThS)

- Môn Cơ bản;

- Môn Cơ sở;

- Tiếng Anh

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

(1). Đơn đăng ký dự tuyển (*Mẫu 1-ThS*)

(2). Bản sao có công chứng các giấy tờ sau:

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học kèm bảng điểm;
- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng (*đối với thí sinh học hệ liên thông*);
- Các giấy tờ có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (*nếu có*);

(3). Bằng và bảng điểm đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ và Bảm cam đoan sử dụng chứng chỉ/ văn bằng ngoại ngữ (*Mẫu 2-ThS*);

- Chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức (*nếu có*);
- Các văn bằng, chứng chỉ khác (*nếu có*);

(4). Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi (*Mẫu 3-ThS*);

(5). Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với thí sinh do cơ quan cử đi học (*không yêu cầu đối với thí sinh tự do*)

(6). Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của một bệnh viện đa khoa hoặc tương đương theo quy định của Bộ Y tế trong vòng 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển

(7). Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (*không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam*”).

5. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh:

- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết trong *Phụ lục 4-ThS*

- Thời gian thi dự kiến: Ngày **08/08/2026 – 09/08/2026** (*Thứ Bảy, Chủ Nhật*)

- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển kết hợp xét hồ sơ
- Hình thức tuyển sinh: Thi trực tiếp hoặc trực tuyến (tùy thuộc tình hình thực tế)

6. Học phí và các thông tin tài chính khác:

- Phí dự tuyển: 1.000.000 đ/thí sinh
- Học phí đối với người dự tuyển là người Việt Nam: 24.000.000 VNĐ/ năm học
- Học phí đối với người dự tuyển là người nước ngoài: 25.650.000 VNĐ/ năm học
- Hình thức nộp: Tiền mặt hoặc chuyển khoản (chỉ CK trong giờ hành chính) :

Tên tài khoản: Học viện Khoa học và Công nghệ

Số TK: 1180188189

Tại: BIDV chi nhánh Bắc Hà

Ghi rõ nội dung chuyển tiền: “**Họ tên/CCCD/Nộp phí dự tuyển Thạc sĩ đợt 1-2026**”

Lưu ý: + Anh/Chị có nhu cầu lấy hóa đơn thanh toán học phí với cơ quan xin cung cấp thông tin: tên CQ, Mã số thuế CQ, mail nhận hóa đơn với chị Lê Kim Liên (Phòng Kế toán): 0904600886 ngay sau khi chuyển tiền.

+ Mức học phí có thể được điều chỉnh theo lộ trình của Chính phủ về học phí.

7. Những thông tin cần thiết khác

- **Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày 05/03/2026 – 15/06/2026

- **Cách thức nộp hồ sơ:**

- Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <http://www.gust.edu.vn>
- Nộp hồ sơ (bản cứng) về Học viện Khoa học và Công nghệ: Phòng Đào tạo (P.1612), Nhà A28, Tòa nhà Ươm tạo và Công nghệ, số 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội. (Ghi rõ ngoài bì: “*Họ và tên-Hồ sơ dự tuyển Thạc sĩ đợt 1-2026*”).
- Thí sinh có thể nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (bản cứng) theo hai hình thức:
 - + Nộp trực tiếp
 - + Gửi qua bưu điện

Lưu ý: Các thí sinh dự tuyển đều phải đăng ký trực tuyến và nộp hồ sơ bản cứng về Học viện Khoa học và Công nghệ

- **Mọi thông tin liên hệ:** Phòng Đào tạo, Học viện Khoa học và Công nghệ hoặc CV. Phạm Thị Như Quỳnh, Điện thoại: 024.32121286, 0916467768 để được giải đáp và xem tại Cổng thông tin điện tử của Học viện KHCN: <http://www.gust.edu.vn/>.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Học viện (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Viện Hàn lâm KHCNVN (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, THPT;
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Cổng thông tin điện tử của Học viện;
- Lưu VT, KT, ĐT, PQ.50.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Trung

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN VÀ DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐƯỢC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG NHẬN VÀ CHO PHÉP CẤP CHỨNG CHỈ THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong tuyển sinh thạc sĩ.

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Điểm tương đương Bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 – 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm : 140-159
		British Council (BC)	B1 Aptis ESOL
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe : 275-399 ; Nói : 120-159 Đọc : 275-384 ; Viết : 120-149
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

2. Danh sách các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cho phép đào tạo, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

TT	Tên cơ sở đào tạo	TT	Tên cơ sở đào tạo
1	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	19	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	20	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	21	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	22	Học viện Khoa học Quân sự
5	Trường Đại học Hà Nội	23	Trường Đại học Thương mại
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	24	Học viện Cảnh sát nhân dân
7	Đại học Thái Nguyên	25	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
8	Đại học Cần Thơ	26	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh
9	Trường Đại học Vinh	27	Đại học Bách khoa Hà Nội
10	Học viện An ninh nhân dân	28	Trường Đại học Nam Cần Thơ
11	Trường Đại học Sài Gòn	29	Trường Đại học Ngoại Thương
12	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	30	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
13	Trường Đại học Trà Vinh	31	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
14	Trường Đại học Văn Lang	32	Trường Đại học Lạc Hồng
15	Trường Đại học Quy Nhơn	33	Trường Đại học Đồng Tháp
16	Trường Đại học Tây Nguyên	34	Trường Đại học Duy Tân
17	Học viện Ngân hàng	35	Trường Đại học Phenikaa
18	Trường Đại học Tài chính – Marketing	36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở TP. HCM	38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

(Danh sách các cơ sở đào tạo luôn được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT)

DANH MỤC CÁC NGÀNH TUYỂN SINH, NGÀNH PHÙ HỢP VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Ngành phù hợp	Chỉ tiêu
I.	Khoa Hóa học			75
1.	Hóa vô cơ	8440113	Hóa học; Kỹ thuật hóa học; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Sư phạm hóa học; Hóa dược; Dược học, Kỹ thuật môi trường, Khoa học đất, Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sinh học, v.v..	25
2.	Hóa hữu cơ	8440114	Hóa học; Kỹ thuật hóa học; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Sư phạm hóa học; Hóa dược; Dược học, Kỹ thuật môi trường, Khoa học đất, Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sinh học, v.v..	50
II.	Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông			25
3.	Hệ thống thông tin	8480104	Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Sư phạm Tin học; Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Toán học; Công nghệ kỹ thuật cơ – điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điện tử-viễn thông; Hệ thống thông tin quản lý, v.v..	25
III.	Khoa Sinh học			80
4.	Sinh học thực nghiệm	8420114	Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sinh học; Sư phạm sinh học; Khoa học cây trồng; Lâm học; Lâm sinh; Chăn nuôi, Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học thủy sản, Y học, Dược học, Kỹ thuật y học, Nông học, Nông nghiệp, Bảo vệ thực vật, Y khoa, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y sinh học thể dục thể thao, v.v..	80
IV.	Khoa Công nghệ môi trường và Năng lượng			25
5.	Kỹ thuật môi trường	8520320	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ môi trường; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ vật liệu, v.v..	25

V.	Khoa Vật lý			25
6.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Vật lý chất rắn, Vật lý vô tuyến và điện tử, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Vật lý nguyên tử; Kỹ thuật hạt nhân, Quang học, Vật lý học, Cơ học, Cơ học vật rắn, Cơ học chất lỏng và chất khí, Khoa học vật liệu, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân,v.v	25

Tổng số 06 ngành và 230 chỉ tiêu tuyển sinh./.

CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

TT	Ngành học	Mã số	Môn thi tuyển		
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
I.	Khoa Hóa học				
1.	Hóa vô cơ	8440113	Hóa học cơ bản	Cơ sở lý thuyết hoá học	Tiếng Anh
2.	Hóa hữu cơ	8440114			
II.	Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông				
3.	Hệ thống thông tin	8480104	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	Tiếng Anh
III.	Khoa Sinh học				
4.	Sinh học thực nghiệm	8420114	Sinh học đại cương	Tế bào - Di truyền học	Tiếng Anh
IV.	Khoa Công nghệ môi trường và năng lượng				
5.	Kỹ thuật môi trường	8520320	Các quá trình cơ bản trong CNMT	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh
V.	Khoa Vật lý				
6.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	Tiếng Anh

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NĂM 2026**

TT	Thời gian	Nội dung công việc
1.	05/03/2026 – 15/06/2026	Phát hành và nhận hồ sơ đăng kí dự thi
2.	16/06/2026 – 22/06/2026	Đề xuất Ban ra đề thi, chấm thi, cử giảng viên ôn tập
3.	01/07/2026 – 31/07/2026	Ôn tập cho thí sinh
4.	10/07/2026 - 15/07/2026	Đưa tổng hợp kiến thức các môn thi lên Cổng thông tin điện tử Học viện
5.	17/07/2026 – 27/07/2026	Ban ra đề nộp đề thi, đáp án kèm thang điểm
6.	30/07/2026 – 04/08/2026	Sao in đề thi
7.	08/08/2026 – 09/08/2026	Tổ chức thi
8.	10/08/2026 – 12/08/2026	Làm phách bài thi viết
9.	13/08/2026 – 18/08/2026	Chấm thi
10.	20/08/2026 - 21/08/2026	Công bố kết quả thi tuyển
11.	21/08/2026 – 28/08/2026	Thông báo nhận đơn phúc khảo và xử lý kết quả (nếu có)
12.	04/09/2026	Ban hành quyết định phê duyệt điểm trúng tuyển
13.	07/09/2026	Ban hành quyết định trúng tuyển và gửi giấy báo nhập học
14.	15/09/2026	Quyết định công nhận học viên cao học